TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AM
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số:47/2018/DSST
Ngày 30 tháng 11 năm 2018
Về T/C về *hợp đồng dân sự cầm cố QSD đất và thuê QSDĐ*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM - KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Mỹ Huê**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thành Bê
2. Bà Hồ Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: **Phan Thị Hồng Nhung** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM - Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Đông Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện AM-Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2017/TLST-DS ngày 06/10/2017 về việc tranh chấp dân sự *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự cầm cố QSD đất và cho thuê quyền sử dụng đất"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2018/QĐST-DS ngày 30/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2018/QĐST-DS ngày 20/11/2018 giữa các đương sự:

** Đồng nguyên đơn*:
- Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1945
- Ông **Hồ Văn L** sinh năm 1943 (có mặt)

Người đại diện theo quy định pháp luật của bà B là ông Hồ Văn L, sinh năm 1943,theo giấy ủy quyền ngày12/11/2018 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Tiên, xã Đông Thạnh, huyện AM - Kiên Giang.
- Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1950 (có mặt)
- Bà **Tô Thị H**, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Xẻo Nhàu B, xã Tân Thạnh, huyện AM-Kiên Giang.

** Đồng bị đơn*: - Ông **Trần Bé E**, sinh năm 1963 (vắng mặt)
- Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện AM - Kiên Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông **Lê Minh N**, sinh năm 1959 vắng mặt)
- Bà **Võ Thị Út**, sinh năm 1966 (vắng mặt)
- Ông **Nguyễn Tấn Hân**, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xẻo Nhàu B, xã Tân Thạnh, huyện AM, tỉnh kiên Giang.

- Bà **Phan Thị Đ**, 80 tuổi, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện AM - Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018 nguyên đơn bà Tô Thị H và ông Nguyễn Văn S trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Vào ngày 22 tháng 5 năm 1996 âm lịch ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út có cố cho chúng tôi diện tích đất là 08 công (tầm 3 mét) giá 13 chỉ vàng 24kra, thời hạn cố khi nào ông Bé E và bà Út có vàng thì chuộc lại đất, việc cầm cố có lập văn bản viết tay, khi thỏa thuận xong thì ông Bé E giao đất cho vợ chồng ông sử dụng, vợ chồng ông giao vàng cho ông bé E nhận.

Vào năm 1996 vợ chồng ông Bé E có cố cho ông H diện tích đất 05 công tầm 3 mét, giá 10 chỉ vàng 24kra, tại ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện AM, sau khi cố đất ông H sử dụng đến ngày 01/4/1997 thì ông H cố lại cho ông S, ông S trả 10 chỉ vàng cố đất lại cho ông H, việc cố đất giữa ông S và ông H có lập văn bản giấy viết tay, như vậy vợ chồng ông S sử dụng đất cố của ông Bé E và bà Út là 13 công tầm 03 mét, vị trí phần đất cố hướng đông giáp đất ông Bé E và đất mà ông L cố của ông Bé E, hướng tây giáp phất ông Lê Điền Anh, hướng nam giáp đất ông Trần Bé E, hướng bắc giáp Kênh Ba Giáp, vàng cố đất là 23 chỉ vàng 24kra (vàng thường).

Ngày 20/02/2001 bà Phan Thị Đ (mẹ ông Bé E) có thỏa thuận với vợ chồng ông S xin chuộc lại 02 công đất tầm 3 mét trong số 13 công đất ông S, bà Hnhận cầm cố với ông Bé E và ông H, bà trả lại cho vợ chồng ông S, bà H 04 chỉ vàng 24ra, đến năm 2001 ông S. Bà H nhận cầm cố đất với ông Trần Bé E. Bà Út là 11 công đất tầm 3 mét, ông Bé E và bà Út nhận vàng của ông S và bà H 19 chỉ vàng 24kra (vàng thường)

Năm 2003 ông S, bà H thỏa thuận với ông Bé E, bà Út cho ông Bé E, bà Út thuê lại 11 công đất mỗi năm là 3.850.000đ, tiền thuê đất trả hàng năm, việc cho thuê đất lại thỏa thuận bằng lời nói, ông Bé E , bà Út thuê đất có trả tiền thuê đất cho ông S, bà H đến năm 2015, từ năm 2016 đến nay không trả tiền thuế đất và không trả vàng cố đất lại cho ông bà mà lấy phần đất này sang nhượng lại cho ông N và bà Võ Thị Út nên phát sinh tranh chấp ông bà khởi kiện.

- Nay ông bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện AM hũy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông (Nguyễn Văn S) với vợ chồng ông Trần Bé E xác lập ngày 22/5/1996 và Giấy cố đất giữa ông S và ông H xác lập ngày 01/4/1997, buộc ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả lại cho ông 19 chỉ vàng 24kra và phải trả tiền thuê đất 02 năm (2016 - 2017) là 7.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác,

phần đất cầm cố thì hiện nay ông Bé E , bà Út lấy lại giao cho ông N và bà Võ Thị Út sử dụng nên vợ chồng ông không có nghĩa vụ trả lại.

**** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06/9/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2018 nguyên đơn ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B trình bày và yêu cầu như sau:***

Vào tháng 01 năm 1996 ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út cầm cố cho vợ chồng ông diện tích đất 05 công tầm 03 mét, vị trí thửa đất hướng đông, tây, nam giáp đất ông Bé E cố cho ông Nguyễn Văn S, hướng bắc giáp đất ông Bé E (hướng Kênh Ba Giáp), diện tích đất cố tại ấp Thạnh Thuận, xã Đông Thạnh. Khi cầm cố có làm giấy viết tay, giá cố 10 chỉ vàng 24kra, ông bà giao vàng cho ông Bé E và bà Út nhận, ông Bé E và bà Út giao đất cho ông bà sử dụng trồng lúa, lòng mương thì ông Bé E nuôi cá, thời gian cố là 02 năm, khi đến thời hạn chuộc lại đất ông Bé E và bà Út không chuộc nên vợ chồng ông bà tiếp tục sử dụng đến năm 2003, do đất chuyển mục đích sử dụng vụ lúa, vụ tôm nên ông bà không sản xuất lúa được nên cho vợ chồng ông Bé E thuê lại diện tích trên mỗi năm 15 giạ lúa, ông Bé E và bà Út đã trả lúa thuê đất cho vợ chồng ông L được 03 năm còn thiếu lại 02 năm (2016-2017) không trả tiền thuê đất cho vợ chồng ông, không trả vàng cho vợ chồng ông mà sang phần đất cho ông Lê Văn N và bà Võ Thị Út nên chúng tôi khởi kiện.

Nay chúng tôi tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện giải quyết hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông L với vợ chồng ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út xác lập ngày 01/01/1996. Buộc ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả lại cho vợ chồng ông 10 chỉ vàng 24kra, và 3.600.000đ tiền thuê đất 02 năm (2016 và 2017), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2018 bị đơn ông Trần Bé E trình bày và yêu cầu*:

Vào năm 1996 tôi không nhớ ngày tháng, vợ chồng tôi có cố cho ông Nguyễn Tấn H 05 công đất tầm 3 mét, giá 10 chỉ vàng 24kra, vàng thường, cố cho ông Hồ Văn L 05 công đất tầm 03 mét, giá 10 chỉ vàng 24kra, ông Nguyễn Văn S 08 công tầm 3 mét, giá cố 13 chỉ vàng 24kra, thời gian cố không quy định mà khi nào có vàng thì chuộc lại đất, sau khi ông H, ông L, ông S giao vàng cho tôi thì tôi giao đất cho các ông sử dụng sản xuất lúa, mẹ tôi là bà Phan Thị Đ nuôi cá đồng, sau một thời gian thì ông H giao phần đất cố của tôi cho ông S sử dụng, ông S giao vàng cố đất lại cho ông H không thông qua ông, năm 2001 thì mẹ tôi xin chuộc lại 02 công đất tầm 3 mét và bà trả cho ông S 04 chỉ vàng 24kra; Năm 2003 ông thuê lại 11 của ông S, số tiền thuê đất hàng năm 3.850.000đ, ông giao tiền thuê đất cho ông S đến năm 2014, từ năm 2015 tôi không trả tiền thuê đất nên ông S đòi lấy đất sử dụng, ông đồng ý giao phần đất cố cho ông S sử dụng nhưng ông S không sử dụng, ông cũng không sử dụng đất. Do điều kiện khó khăn nên tôi thỏa thuận với ông N bà Út sang nhượng phần đất để lấy vàng trả cho ông S và ông L, khi thỏa thuận xong yêu cầu địa chính xuống đo đạt thì bị ông Nguyễn Văn M người có đất

giáp ranh tranh chấp không làm thủ tục chuyển quyền được, ông đã nhận của ông N 70 chỉ vàng 24kra, năm 2017 tôi giao phần đất mà tôi cố cho ông S và ông Lcho ông N sử dụng nên phát sinh tranh chấp.

Hiện nay tôi xác định còn thiếu vàng cố đất của ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B 10 chỉ vàng 24kra, thiếu của ông Nguyễn Văn S và bà Tô Thị H 19 chỉ vàng 24kra, vàng thường. Diện tích đất cố nêu trên hiện nay tôi lấy lại từ năm 2003 và giao cho ông N và bà Võ Thị Út và mẹ tôi (Phan Thị Đ) sử dụng.

Lúa thuê đất thì ông thiếu ông L 02 năm năm 2016 và năm 2017 chưa tra, không thiếu ông S năm nào vì năm 2017 ông S đòi vào lấy đất nên tôi đồng ý giao đất cho ông làm mà ông không làm nay đòi tiền thuê đất ông không đồng ý.

Nay theo yêu cầu của ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B đòi vợ chồng tôi phải trả lại số vàng 10 chỉ vàng 24kra, ông Nguyễn Văn S và bà Tô Thị H đòi tôi trả lại 19 chỉ vàng 24kra tôi đồng ý trả vàng lại cho ông S, ông L nhưng hẹn đến tháng 12 năm 2019 trả đủ vàng cho các ông bà trên, tiền thuê đất của ông L tôi hẹn tháng 12/2018 trả, ông S không đồng ý trả tiền thuê đất, đối với số tiền thuê đất tôi đã trả cho ông S, ông L xong, không yêu cầu đòi lại.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2018 và 28/02/2018 Người có quyền ợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh N và bà Võ Thị Út trình bày*:

Diện tích đất ông Bé E và bà Út hiện nay đang tranh chấp với ông L, ông S chúng tôi đang sử dụng việc sử dụng đất của ông Bé E là vào khoảng tháng 4 năm 2009 chúng tôi thỏa thuận với ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út tại ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện AM để nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 25 công tầm 03 mét, giá 35 cây vàng 24kra, tôi giao trước 70 chỉ (07 cây) phần còn lại khi nào hoàn thành giấy tờ thì tôi giao đủ số vàng còn lại cho ông Bé E và bà Út, khi địa chính xuống đo đạt để làm thủ tục chuyển quyền cho chúng tôi thì bị ông M người có đất giáp ranh tranh chấp nên không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng được, sau đó đến ngày 30 tháng 02 năm 2012 ông Bé E và bà Út giao cho tôi sử dụng một năm thì chúng tôi cho ông Bé E và bà Út thuê lại sử dụng đến năm 2017 sau đó ông Bé E, bà Út tiếp tục giao đất lại cho tôi sử dụng 1/2 diện tích đất trong số 25 công mà ông Bé E sang cho tôi nói, chúng tôi sử dụng cho đến nay.

Hiện nay ông L, bà B; ông S và bà H tranh chấp với nhau phần đất hiện nay vợ chồng ông bà đang sử dụng. ông N, bà Út không khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết đối với ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út trong cùng vụ án này. Nếu giữa vợ chồng ông và ông Bé E, bà Nguyễn Thị Út có tranh chấp thì tôi khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết riêng.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngay 24/9/2018, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà phan Thị Đ trình bày***:

Con tôi là Trần Bé E, dâu là Nguyễn Thị Út cầm cố diện tích đất với ông S, ông L lúc nào tôi không biết nhưng trong đó có một phần đất của bà, năm 2001 tôi biết được nên xuất vàng ra chuột lại 02 công tất tầm 3 mét, phần đất giáp đất Lê Điền Anh (*hiện nay có ngôi nhà Bé E cất*), bà trả lại cho ông S 04 chỉ vàng 24kra,

diện tích đất sau khi chuộc lại cho đến nay bà sử dụng, phần vàng 04 chỉ trả cho ông Sanh thì hiện nay bà không tranh chấp không yêu cầu ông Trần Bé E và Nguyễn Thị Út trả lại.

**** Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 24/9/2018 ông Nguyễn Tấn H trình bày***:

Vào tháng 4 năm 1996 âm lịch, tôi nhận cầm cố diện tích đất 05 công tầm 3 mét với ông Trần Bé E, với số vàng 10 chỉ vàng 24kra, khi cầm cố có làm hợp đồng viết tay, thời gian cố 02 năm, tôi giao vàng cho ông Bé E nhận, ông Bé E giao đất cho tôi sử dụng đến hết hợp đồng ông Bé E không chuộc lại nên tôi thỏa thuận với ông S, cầm cố phần đất cho ông S sử dụng, ông S trả 10 chỉ vàng lại cho tôi.

Nay ông xác định không liên quan gì đến phần tranh chấp giữa ông S, ông L với ông Bé E, ông yêu cầu Tòa giải quyết xét xử vắng mặt ông tại Tòa án.

**** Tại phiên tòa***:

- Đồng nguyên đơn ông Hồ Văn L, ông L đại diện của bà Bé yêu cầu ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả lại cho ông 10 chỉ vàng 24kra là số vàng ông Bé Em, bà Út nhận cố đất cho ông bà.

Đối với 3.600.000đ tiền cho thuê đất, ông xin rút lại không yêu cầu Tòa giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Diện tích đất cầm cố ông Bé E nhận lại giao cho ông N và bà Võ Thị Út sử dụng nên ông bà không có trách nhiệm trả lại cho ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út.

- Ông Nguyễn Văn S và bà H yêu cầu ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả lại cho ông bà 19 chỉ vàng 24kra, xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi 7.000.000đ tiền cho thuê đất của năm 2015 và 2016, không yêu cầu Tòa giải quyết; diện tích đất cầm cố hiện nay ông Bé E đã lấy lại giao cho ông N và bà Út sử dụng nên ông bà không có trách nhiệm trả lại.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thụ lý vụ án và xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách tham gia tố tụng, về chứng cứ, chứng minh ; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Thư ký Tòa án thực hiện đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định tại 51 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện dầy đủ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*:

Nội dung: ngày 22/5/1996 âm lịch ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út có cố cho S, bà H diện tích đất là 08 công (tầm 3 mét) giá 13 chỉ vàng 24kra, thời hạn cố không quy định, việc cầm cố có lập văn bản viết tay, ông Bé E giao đất cho vợ chồng ông sử dụng, vợ chồng ông giao vàng cho ông bé E nhận.

Vào ngày 28/4/1996 vợ chồng ông Bé E có cố cho ông H 05 công đất tầm 3 mét, giá 10 chỉ vàng 24kra, có làm hợp đồng viết tay, sau khi cố đất ông H sử dụng đến ngày 01/4/1997 thì ông H cố phần đất cho ông S sử dụng, ông S trả 10 chỉ vàng

cố đất lại cho ông H, việc chuyển giao cố đất giữa ông S và ông H có lập văn bản giấy viết tay, như vậy đến năm 1997 cho ông S sử dụng đất của ông Bé E tất cả là 13 công tầm 03 mét, vị trí phần đất cố hướng đông giáp đất ông Bé E và đất mà ông L cố của ông Bé E, hướng tây giáp phất ông Lê Điền Anh, hướng nam giáp đất ông Trần Bé E, hướng bắc đất ông Bé Em (Kênh Ba Giáp), diện tích đất cầm cố tại ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện AM, ông Bé E và bà Út nhận vàng của ông S, bà H là 23 chỉ vàng 24kra.

Ngày 20/02/2001 bà Phan Thị Đ (mẹ ông Bé E) có thỏa thuận với vợ chồng ông S chuộc lại 02 công đất tầm 3 mét, bà trả lại cho vợ chồng ông S 04 chỉ vàng 24ra, Như vậy đến thời điểm năm 2001 thì vợ chồng ông S nhận cầm cố đất và sử dụng đất của vợ chồng ông Trần Bé E là 11 công đất tầm 3 mét, ông Bé E và bà Út nhận vàng của ông S và bà H 19 chỉ vàng 24kra (vàng 98%)

Năm 2003 vợ chồng ông Bé E thuê lại 11 công đất cố trên mỗi năm là 3.850.000đ, tiền thuê đất trả hàng năm, việc thỏa thuận cho thuê đất lại thỏa thuận bằng lời nói, sau khi vợ chồng ông Bé E thuê đất có trả tiền thuê đất cho vợ chồng đến năm 2015, từ năm 2016 đến nay không trả tiền thuế đất mà không trả vàng cố đất lại cho ông bà mà tiếp tục cố phần đất này lại cho ông N và bà Võ Thị Út nên ông bà khởi kiện.

Ngày 01/41996 ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út cầm cố cho vợ chồng ông L, bà B diện tích đất 05 công tầm 03 mét, vị trí thửa đất cố hướng mặt trời mộc giáp đất ông Bé E, hai hướng giáp đất ông Bé E cố cho ông Nguyễn Văn S, hướng bắc giáp Kênh ba Giáp, diện tích đất cố tại ấp Thạnh Thuận, xã Đông Thạnh. Khi cầm cố có làm giấy viết tay, giá cố 10 chỉ, ông Bé E và bà Út giao đất cho vợ chồng ông sử dụng trồng lúa, thời gian cố là 02 năm, khi đến thời hạn chuộc lại đất ông Bé E và bà Út không chuộc lại đất nên vợ chồng ông bà tiếp tục sử dụng đến năm 2003 cho vợ chồng ông Bé E thuê lại diện tích trên mỗi năm 15 giạ lúa, ông Bé E và bà Út đã giao lúa thuê đất cho vợ chồng ông L đến năm 2015, còn thiếu lại 02 năm (2016-2017) không trả tiền thuê đất cho vợ chồng ông, không trả vàng cho vợ chồng ông mà phần đất sang lại cho ông Lê Văn N và bà Võ Thị Út nên phát sinh tranh chấp. Như vậy được xác định tranh chấp giữa ông S, bà H, ông L, bà Bé đối với bị đơn ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út là tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, và cho thuê quyền sử dụng đất.

Xét thấy yêu cầu của Hồ Văn L và bà Lê Thị B; ông Nguyễn Văn S và bà Tô Thị H yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất do các ông bà xác lập với vợ chồng ông Trần Bé E và yêu cầu ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả vàng lại cho các ông bà vàng cố đất là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2003 được sữa đổi bổ sung 2009 và theo quy định tại Điều 179 Luật đất đai 2013 quy định quyền và nghĩa vụ hộ gia đình , cá nhân sử dụng đất có các quyền như sau:" *Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp trong cùng một xã , phường thị trấn với Hộ gia đình, cá nhân khác; chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật ; cho tổ chức , hộ gia đình , cá nhân khác , người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư tại Việt Nam thuê quyền sử dụng đất ; cá nhân sử dụng đất*

có quyền để lại thừa kế quyền sử dụng đất của mình thei di chúc hoặc theo pháp luật; tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất..." vậy theo quy định pháp luật về đất đai không quy định cho người có quyền sử dụng đất có quyền cầm cố quyền sử dụng đất nhưng trong quá trình sử dụng đất bà Út và ông Bé E cầm cố quyền sử dụng đất với ông L, ông S, ông H sau đó ông H cố lại cho ông S là vi phạm điều cấm của pháp luật nên đề nghị HĐXX tuyên bố hợp đồng (Giấy cầm đất) cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Út và ông Trần Bé E xác lập ngày 01/4/1996; giấy cầm cố đất giữa ông Nguyễn Văn S và ông Trần B Em lập ngày 22 táng 5 năm 1996; giấy cố đất giữa ông Nguyễn Văn S với ông Nguyễn Tấn H lập ngày 01/4/1997; giấy cố đất (Canh tác) giữa ông Trần Bé E với ông Nguyễn Tấn H lập ngày 28/4/96 và hợp đồng cố đất giữa ông Hồ Văn L và ông Trần Bé E xác lập ngày 01/4/1996 là vô hiệu toàn bộ và hủy bỏ là phù hợp quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự.

***- Xét về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu*:** Theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự quy định "*Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập".*

Diện tích đất mà ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B nhận cầm cố 05 công tầm 3 mét; ông Nguyễn Văn S, bà Tô Thị H nhận cầm cố giữa ông bà E và bà Út và là 08 công tầm 3 mét; giữa ông S với ông H 05 công tầm 3 mé, sau đó ông S cho bà Đ chuộc lại 02 công đất tầm 03 mét, như vậy đến thời điểm năm 2001 thì ông S còn nhận cầm cố đất với ông Bé E, bà Útt là 11 công đất tầm 03 mét, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/9/2018 thì diện tích đất cầm cố là tương đương 21 công tầm 3 mét, trong đó phần đất cố ông L, bà B là 05 công tầm 3 mét, bằng 6.480 mét vuông, ông S 11 công tần 03 mét tương đương 27.544 mét vuông, trong số diện 56.130 mét vuông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số001540/QSDĐ Ủy ban nhân dân huyện AM cấp cho người sử dụng Hộ ông bà Trần Bé E ngày 30/12/2003, tại ấp Thạnh Thuận, xã Đông Thạnh, huyện AM, hiện nay ông N và bà Võ Thị Út đang quản lý và sử dụng diện tích đất mà ông S, ông L tranh chấp trên (do ông Bé E thỏa thuận chuyển nhượng); Xét thấy do hợp đồng dân sự giữa bà các ông bà xác lập bị vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng bà ông Trần Bé E cầm cố với ông S, ông L thì ông Bé E đã nhận lại nên ông Nguyễn Văn Svà bà Tô Thị H, ông Hồ Văn L bà Lê Thị B không có nghĩa vụ trả lại đất cho ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út.

Buộc ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả lại cho ông Nguyễn Văn S, bà Tô Thị H 19 chỉ (*Mười chín*) vàng 24kra, vàng thường, hoàn trả lại cho ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B 10 chỉ vàng 24kra, vàng thường là phù hợp khoản 2 Điều 137 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn S bà Tô Thị H đòi ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả 7.000.000đ tiền thuê đất, ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B đòi ông bé E và bà Út trả 30 giạ lúa thuê đất, quy ra thành tiền 3.600.000đ tiền cho thuê

phần đất mà ông Bé E, bà Út cầm cố cho các ông bà. Tại phiên tòa hôm nay các ông có yêu cầu xin rút lại phần tiền cho thuê đất. Xét thấy yêu cầu của ông S, bà H và ông L nêu ra phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu của các đồng nguyên đơn.

Đối với khoản tiền mà ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út giao trả tiền thuê đất cho ông S, ông L đã nhận từ năm 2003 đến năm 2015 nhưng ông Bé E và bà Út không yêu cầu đòi lại nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với bà Phan Thị Đ đã trả 04 chỉ vàng cho ông S, bà H thay cho ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út; ông Nguyễn Tấn H nhận đất cầm cố đất của ông Bé E sau đó cố lại cho ông Nguyễn Văn S, ông S đã trả 10 chỉ vàng cố đất cho ông H nhận đủ; Ông Lê Minh N và bà Võ Thị Út là người hiện nay đang sử dụng phần đất của ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út, ông Bé E và bà Út nhận vàng của ông N và bà Võ Thị Út giữa các ông bà không tranh chấp, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Ngoài ra căn cứ vào Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX xem xét buộc ông Bé Em và bà Út phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về mối quan hệ pháp luật: ông Nguyễn Văn S, bà Tô Thị H, ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện AM hũy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, buộc ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út trả lại cho các ông bà vàng cầm cố đất và phải trả tiền thuê đất nên xác định là tranh chấp về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất.

[2] Về thẩm quyền: ông Nguyễn Văn S, bà Tô Thị H, ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án hũy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và buộc ông Bé E, bà Nguyễn Thị Út trả lại cho các ông bà số vàng nhận cố quyền sử dụng đất và tiền thuê đất là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn ông Bé E, bà Út cư trú tại ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện AM, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện AM thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ, ông Lê Minh N, bà Võ Thị Út, ông Nguyễn Tấn H biết và ấn định thời gian để các ông bà có ý kiến về việc khởi kiện của bà H, ông S, ông L và bà Lê Thị B đối với bị đơn ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út là người cầm cố

quyền sử dụng đất, ông N và bà Võ Thị Út hiện nay là người đang quản lý phần đất cầm cố, bà Đ là người đứng ra trả vàng nhận lại phần đất mà ông Bé E cố cho ông S; ông H là người cầm cố quyền sử dụng đất lại với ông S để các ông bà thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng các ông, bà không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cần, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ, ông Nguyễn Tấn H vắng mặt nhiều lần không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Xét về nội dung tranh chấp thấy rằng*:*

Ông Nguyễn Văn S, bà Tô Thị H; ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B, ông Nguyễn Tấn H xác lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất vào các ngày 01/4/1996 (*giữa ông L với ông Bé E*), ngày 22 tháng 5 năm 1996 (*giữa ông S với ông Bé E*); ngày 28/4/1996 (*giữa ông H với ông Bé E*), cụ thể ông Bé E và bà Út cố đất cho ông S diện tích đất 08 công tầm 3 mét, cố cho ông H 05 công đất tầm 3 mét, cố cho ông L 05 công đất tầm 3 mét, thời hạn cố đất đối với ông S không quy định thời gian, giá cầm cố 08 công bằng 16 chỉ; cố cho ông Lợi 05 công bằng 10 chỉ vàng 24kra, cố cho ông Hân 05 công bằng 10 chỉ vàng 24kra, trong thời gian cầm cố đất thì bà Nguyễn Thị Út và ông Trần Bé E giao đất cho ông S, ông L, ông H sử dụng đến tháng 4 năm 1997 ông H không sử dụng đất cố mà H cố lại cho ông S nên ông S sử dụng đất của ông Bé E là 13 công đất tầm 3 mét, năm 2001 ông S cho bà Phan Thị Đ (mẹ ông Bé E) chuộc lại 02 công đất tầm 03 mét, còn lại ông S trực tiếp sử dụng 11 công đến năm 2003 ông vợ chồng ông Nguyễn Văn S, vợ chồng ông Hồ Văn L thỏa thuận cho vợ chồng ông Bé E thuê toàn bộ diện tích đất trên, vợ chồng ông Bé E sử dụng đất có trả tiền thuê hàng năm cho ông L, ông S đến năm 2015 thì không trả tiền thuê đất cho ông L, ông S mà thỏa thuận với ông N chuyển nhượng phần đất nên phát sinh tranh chấp. vợ chồng ông L, ông S có đơn yêu cầu đến Ban lãnh đạo ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện An Minh giải quyết nhưng ông Bé E không có mặt nên các ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể; ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B yêu cầu Hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông L và ông Bé E, bà Út xác lập ngày 01/4/1996, buộc ông Bé E, bà Út trả lại cho ông 10 chỉ vàng 24kra, vàng thường và lúa cho thuê đất 02 năm (2016 và 2017), bằng 30 gia được quy ra thành tiền 3.600.000đ; vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Tô Thị H yêu cầu hũy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông và vợ chồng ông với ông Trần Bé E, và bà Nguyễn Thị Út xác lập ngày 22/5/1996, buộc ông Bé E và bà Út hoàn trả lại cho vợ chồng ông S 19 (Mười chín) chỉ vàng 24kra,vàng thường và tiền thuê đất 02 năm, số tiền là 7.000.000đ, tại biên bản ghi lời khai ngày 23/7/2018 ông Trần Bé E thừa nhận và đồng ý lại số vàng cho ông L, ông S và xác định diện tích đất cầm cố ông đã nhận lại nên không yêu cầu ông S, ông L trả lại đất. Đối với lúa thuê đất ông Bé E xác định đúng như yêu cầu của ông Lợi và ông S nhưng ông chỉ

đồng ý trả lúa thuê đất cho ông L, không đồng ý trả tiền thuê đất cho ông S vì lý do ông S đòi nhận đất cố lại để sản xuất nên ông giao nhưng ông S không sử dụng và ông không sử dụng được nên ông không tiền trả theo yêu cầu của ông S. Xét thấy yêu cầu của Hồ Văn L và bà Lê Thị B và ông Nguyễn Văn S và bà Tô Thị H đòi ông Bé E bà bà Nguyễn Thị Út trả lại số vàng cầm cố là phù hợp vì theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2003 được sữa đổi bổ sung 2009 và tại Điều 179 Luật đất đai 2013 quy định quyền và nghĩa vụ hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có các quyền như sau:" *Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp trong cùng một xã , phường thị trấn với Hộ gia đình, cá nhân khác; chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật ; cho tổ chức , hộ gia đình , cá nhân khác , người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư tại Việt Nam thuê quyền sử dụng đất; cá nhân sử dụng đất có quyền để lại thừa kế quyền sử dụng đất của mình thei di chúc hoặc theo pháp luật; tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất..."* vậy theo quy định pháp luật về đất đai không quy định cho người có quyền sử dụng đất có quyền cầm cố quyền sử dụng đất nhưng trong quá trình sử dụng đất bà Út và ông Bé E cầm cố quyền sử dụng đất với ông L, ông S, ông H là vi phạm điều cấm của pháp luật nên HĐXX cần tuyên bố hợp đồng (Giấy cầm đất) cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Út và ông Trần Bé E xác lập ngày 01/4/1996 và giấy cầm cố đất giữa ông Nguyễn Văn S và ông Trần Bé E lập ngày 22 táng 5 năm 1996; giấy cố đất giữa ông Nguyễn Văn S với ông Nguyễn Tấn H lập ngày 01/4/1997; giấy cố đất (Canh tác) giữa ông Trần Bé E với ông Nguyễn Tấn H lập ngày 28/4/96 là vô hiệu toàn bộ và hủy bỏ là phù hợp quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự.

[5] Xét về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự quy định "*Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập"* .

Diện tích cần cố 16 công tầm 3 mét, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/9/2018 thì được giới hạn bởi các cạnh 1+2+8 = 84,90 mét (giáp kênh Ba Giáp, trong đó có phần đất của của ông L 36 mét của ông S 48.9 mét; Cạch 8+3+4 = 352,30 mét (giáp đất ông Trần Bé E), trong đó có phần đất cố cho ông L 180 mét, cố cho ông S 272,3 mét; cạnh 4+5 = 71,6 mét (giáp đất ông Bé E) phần đất cố cho ông S; Cạnh 5+7+1 = 352,3 mét đất cố cho ông S (giáp đất ông Lê Điền Anh), tại ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện AM đất thuộc quyền sử dụng của Hộ ông Trần Bé E hiện nay ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út đã nhận lại giao cho vợ chồng ông Lê Minh N và bà Võ Thị Út sử dụng nhưng ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út chưa trả vàng lại cho vợ chồng ông Hồ Văn L 10 chỉ vàng 24kra, vàng thường, của vợ chồng ông Nguyễn Văn S 19 chỉ vàng 24kra, vàng thường. Xét thấy do hợp đồng dân sự giữa bà các ông bà xác lập bị vô hiệu thì phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, nên Buộc ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả lại cho ông Nguyễn Văn S, bà Tô Thị H 19 chỉ (*Mười chín*) vàng 24kra, vàng thường, hoàn trả lại cho

ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B 10 chỉ vàng 24kra, vàng thường là phù hợp khoản 2 Điều 137 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn S bà Tô Thị H đòi ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả 7.000.000đ tiền thuê đất, ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B đòi ông Bé E và bà Út trả 30 giạ lúa thuê đất, quy ra thành tiền 3.600.000đ là tiền cho thuê đất cố trên. Tại phiên tòa ông Hồ Văn L và ông L người đại diện của bà B, ông S và bà H xin rút yêu cầu đòi tiền cho thuê đất; Xét thấy yêu cầu của ông S, bà H và ông L là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật , không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện của ông S, bà H, ông L và bà B đòi tiền cho ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út .

Đối với ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út giao tiền thuê đất cho ông S, ông L đã nhận từ năm 2003 đến năm 2015 nhưng ông Bé E và bà Út không tranh chấp, nên không xem xét.

Đối với bà Phan Thị Đ đã trả 04 chỉ vàng cho ông S, bà H thay cho ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út; ông Nguyễn Tấn H nhận cầm cố đất của ông Bé E sau đó thỏa thuận cố lại cho ông Nguyễn Văn S, ông S đã trả 10 chỉ vàng cố đất cho ông H nhận đủ; ông Lê Minh N và bà Võ Thị Út là người hiện nay đang sử dụng phần đất của ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út, ông Bé E và bà Út có nhận vàng của ông N và bà Võ Thị Út những giữa các ông bà không tranh chấp, nên không xem xét.

[6] Về án phí: căn cứ vào Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Bé E và bà Út phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn ông S, bà H, Hồ Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại số tiền cho ông S, bà B 600.000đ mà ông bà tạm nộp theo biên lai số 0000465 ngày 06/10/2017 của Chi, trả lại ông Hồ Văn L, bà Lê Thị B 300.000 án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0000466 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AM.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định: Căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc ông Hồ Văn L, ông Ngyễn Văn S mỗi ông phải chịu 500.000đ x 2 bằng 1.000.000đ, phần này các ông đã nộp xong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH;

- Áp dụng các Điều 26, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 127, Điều 128, Điều 137 Bộ luật dân sự 2005; Điều 106 luật đất đai năm 2003 và được sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 179 luật đất đai 2013 ; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố: Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị U và ông Trần Bé E xác lập ngày 01/4/1996 và giấy cầm cố đất giữa ông Nguyễn Văn S và ông Trần Bé E lập ngày 22 tháng 5 năm 1996; giấy cố đất giữa ông Nguyễn Văn S với ông Nguyễn Tấn H lập ngày 01/4/1997; giấy cố đất (canh tác) giữa ông Trần Bé E với ông Nguyễn Tấn H lập ngày 28/4/96 là vô hiệu toàn bộ và hủy bỏ.

Diện tích cầm cố 16 công tầm 3 mét, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/9/2018 thì phần đất được giới hạn bởi các cạnh:

Phần đất cố cho ông Hồ Văn L diện tích 6.480 mét vuông,

Cạnh 2 + 8 = 36 mét (giáp đất ông Bé E hướng Kênh Ba Giap; cạnh 8 + 3 = 180 mét (giáp đất ông Bé E); cạnh 3 + 6 = 36 mét (giáp đất ông Bé E cố cho ông S); 6 + 2 = 180 mét (giáp đất ông Bé E cố cho ông S).

Phần đất cố cho ông S diện tích 21.064 mét vuông,

Cạnh 3 + 4 = 272,3 mét (giáp đất ông Bé Em); Cạch 4 + 5 giáp đất ông Bé E = 71,60 mét (giáp đất ông Trần Bé E), Cạnh 5 + 7 +1 = 352,30 mét (giáp đất ông Bé Điền Anh); Cạnh 2 + 6 = 180 mét (giáp đất ông Bé E cố cho ông L), Cạnh 6 + 3 = 36 mét (giáp đất ông Bé E cố cho ông L) tất cả diện tích đất trên tại ấp Thạnh Thuận, xã Tân Thạnh, huyện AM thuộc quyền sử dụng của Hộ ông Trần Bé Em, hiện nay vợ chồng ông Lê Minh N và bà Võ Thị Út sử dụng.

[2] Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông S, bà H, ông L và bà Bé đòi ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út trả tiền thuê đất.

[3] Đối với ông Trần Bé E, bà Nguyễn Thị Út giao tiền thuê đất cho ông Sh, ông L đã nhận từ năm 2003 đến năm 2015 nhưng ông Bé Em và bà Út không yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Đối với bà Phan Thị Đ đã trả 04 chỉ vàng cho ông S, bà H thay cho ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út; Ông Lê Minh N và bà Võ Thị Út là người hiện nay đang sử dụng phần đất của ông Bé E và bà Nguyễn Thị Út, bà Phan Thị Đ nhận lại từ ông S, bà H 02 công đất tầm 03 mét, bà trả cho ông S 04 chỉ vàng 24kra, ông H là người nhận cố đất với ông Bé E, bà Út sau đó ông H cố lại cho ông S, ông S trả 10 chỉ vàng cho ông H nhưng giữa các ông bà không tranh chấp, nên không xem xét.

[5] Về án phí: buộc ông Trần Bé E và bà Nguyễn Thị Út phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Tô Thị H; ông Hồ Văn L và bà Lê Thị B không phải chịu án phí, trả lại số tiền 600.000đ mà ông S, bà H tạm nộp theo biên lai số 0000465 ngày 06/10/2017, trả lại ông Hồ Văn L, bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0000466 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định: buộc ông Hồ Văn L, ông Ngyễn Văn S tự nguyện chịu mỗi ông phải chịu 500.000đ x 2 bằng 1.000.000đ, phần này các ông đã nộp xong.

[7] Báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Hồ Văn L và là người đại diện của bà B, ông Nguyễn Văn S, bà Tô Thị H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm (30/11/2018)

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày bản chính của bản án này tống đạt theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu;

Lê Mỹ Huê